

Bản án số: 52/2026/DS-ST

Ngày: 09 - 4 - 2026

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bạch Linh

2. Bà Nguyễn Thị Phương

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Hồng Pha - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đồng Tháp tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Dang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2026 tại Phòng xét xử Toà án nhân dân khu vực 7 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2026/TLST-DS, ngày 10/02/2026, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2026/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty T (VIỆT NAM); Địa chỉ: Số I P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ hiện nay: Số I P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật của Công ty T (VIỆT NAM) là ông LEE YUN HYOUNG - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Lan A, sinh năm: 2000, Chức danh: Chuyên viên pháp lý Công ty L; Địa chỉ: P Tầng D, Tòa nhà số G T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 30/12/2025), có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Thanh S, sinh năm 1972; Địa chỉ: số nhà E, ấp V, xã L, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện theo uỷ quyền của Công ty T (VIỆT NAM) là bà Nguyễn Thị Lan A trình bày:

Ngày 11/12/2023 Công ty T (VIỆT NAM) (sau đây gọi tắt là Công ty T) ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số: 5117636 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho ông Trần Thanh S với khoản vay trị giá 38.772.000 đồng (giải ngân ngày 11/12/2023), mức lãi suất: 52%/năm, mục đích vay tiêu dùng. Sau khi ký kết, Công ty T đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho ông Trần Thanh S. Theo Hợp đồng tín dụng, ông Trần Thanh S có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền 2.174.302 đồng trong kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày 25/12/2023 đến ngày 25/11/2026.

Tuy nhiên, sau khi được giải ngân, tính đến ngày 25/5/2025 thì ông S đã thanh toán cho Công ty T tổng số tiền là 38.729.236 đồng, trong đó thanh toán nợ gốc là 12.013.004 đồng, thanh toán tiền lãi là 26.500.232 đồng, thanh toán tiền phí là 216.000 đồng. Từ ngày 26/5/2025 ông Trần Thanh S đã thanh toán không đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T đã giải ngân. Công ty T đã tiến hành liên hệ đề nghị ông Trần Thanh S thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng. Đồng thời, Công ty T cũng đã gửi thư đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán, để thông báo trực tiếp cho ông Trần Thanh S biết về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Công ty T (VIỆT NAM) yêu cầu Tòa án giải quyết ông Trần Thanh S có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay vốn gốc là 26.758.996 đồng và lãi tạm tính đến ngày 30/12/2025 là 8.938.243 đồng (trong đó: tiền lãi trong hạn là 7.173.424 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.563.328 đồng, tiền lãi chậm trả là 201.491 đồng), tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 35.697.239 đồng và phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 31/12/2025 theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5117636 ngày 11/12/2023 cho đến khi thanh toán nợ xong.

Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Thanh S thống nhất với nguyên đơn về thời gian vay tiền, số tiền đã vay, mục đích vay, số tiền ông S đã thanh toán và thống nhất số tiền còn nợ lại Công ty T (VIỆT NAM) tổng cộng nợ gốc là 26.758.996 đồng và lãi tạm tính đến ngày 30/12/2025 là 8.938.243 đồng (trong đó: tiền lãi trong hạn là 7.173.424 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.563.328 đồng, tiền lãi chậm trả là 201.491 đồng), tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 35.697.239 đồng và đồng ý thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 31/12/2025 theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5117636 ngày 11/12/2023 cho đến khi thanh toán nợ xong. Tuy nhiên, ông Trần Thanh S trình bày hiện nay do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chưa có khả năng thanh toán cho Công ty T (VIỆT NAM) số tiền còn nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

- Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng.

- Về phần nội dung: Về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Công ty T (VIỆT NAM) nộp đơn khởi kiện ông Trần Thanh S yêu cầu trả tiền vay còn nợ, xác định đây là vụ án “Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; ông Trần Thanh S khi ký kết hợp đồng có địa chỉ nơi cư trú tại ấp V, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nay là ấp V, xã L, tỉnh Đồng Tháp, cho nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Xét yêu cầu của Công ty T (VIỆT NAM) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Thanh S có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay vốn gốc là 26.758.996 đồng và lãi tạm tính đến ngày 30/12/2025 là 8.938.243 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 35.697.239 đồng và phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 31/12/2025 theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5117636 ngày 11/12/2023 cho đến khi thanh toán nợ xong.

Chứng cứ chứng minh là đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5117636 ngày 11/12/2023 của ông Trần Thanh S, hợp đồng điện tử chữ ký số, ký kết hợp đồng ngày 11/12/2023, lý do: Đồng ý theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng chứng thư số FPT CA của Trung tâm D - Công ty TNHH F. Công ty T (VIỆT NAM) giải ngân ngày 11/12/2025 chuyển tiền cho vay vào tài khoản số 0774836041 tại Ngân hàng TMCP K (K1) của ông Trần Thanh S. Kèm theo hồ sơ vay là bản photo căn cước công dân của ông Trần Thanh S cung cấp khi giao kết hợp đồng điện tử.

Tại phiên tòa bị đơn Trần Thanh S thừa nhận nợ và thống nhất số tiền còn nợ lại Công ty T (VIỆT NAM) tổng cộng nợ gốc là 26.758.996 đồng và lãi tạm tính đến ngày 30/12/2025 là 8.938.243 đồng (trong đó: tiền lãi trong hạn là 7.173.424 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.563.328 đồng, tiền lãi chậm trả là 201.491 đồng), tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 35.697.239 đồng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chưa có khả năng thanh toán cho Công ty T (VIỆT NAM) số tiền còn nợ nêu trên.

Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xác định ông Trần Thanh S có vay tiền của Công ty T (VIỆT NAM) và còn nợ Công ty T (VIỆT NAM) số tiền nợ vay vốn gốc là 26.758.996 đồng. Công ty T (VIỆT NAM) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Thanh S trả số tiền vốn vay còn nợ là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đối với tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn và lãi chậm trả được thể hiện trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5117636 ngày 11/12/2023. Công ty T (VIỆT NAM) yêu cầu ông Trần Thanh S trả với số tiền lãi tạm tính đến ngày 30/12/2025 là 8.938.243 đồng (trong đó: tiền lãi trong hạn là 7.173.424 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.563.328 đồng, tiền lãi chậm trả là 201.491 đồng) và còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 31/12/2025 cho khi thanh toán hết nợ vay theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5117636 ngày 11/12/2023 là phù hợp quy định của pháp luật nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, phù hợp quy định tại các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định.

Điều 463 của Bộ luật dân sự quy định:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định về Nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; ...

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định:

1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích và nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T (VIỆT NAM); Buộc ông Trần Thanh S có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 26.758.996 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/12/2025 là 8.938.243 đồng, tổng cộng vốn lãi là 35.697.239 đồng và ông Trần Thanh S phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 31/12/2025 theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5117636 ngày 11/12/2023 cho đến khi thanh toán nợ xong.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét thấy ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 95, Điều 144, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T (VIỆT NAM) .

2. Buộc ông Trần Thanh S có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 26.758.996 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/12/2025 là 8.938.243 đồng, tổng cộng tiền vốn, tiền lãi là 35.697.239 đồng (ba mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm ba mươi chín đồng) cho Công ty T (VIỆT NAM).

Buộc ông Trần Thanh S phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 31/12/2025 theo đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 5117636 ngày 11/12/2023 đã ký kết với Công ty T (VIỆT NAM) cho đến khi thanh toán nợ xong.

3. Về án phí:

- Công ty T (VIỆT NAM) không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty T (VIỆT NAM) tiền tạm ứng án phí đã nộp là 893.000 đồng (tám trăm chín mươi ba nghìn đồng) theo biên lai số 0002405 ngày 09/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Trần Thanh S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.785.000 đồng (một triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSNDKV7 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Nhựt Minh